

THÔNG BÁO
Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục
Tháng 9 năm 2023

Căn cứ Căn cứ Công văn số 2583/UBND-PGDDT ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc chấp thuận các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 8 năm học 2023-2024;

Căn cứ Biên bản Đại hội Đại biểu Cha mẹ học sinh năm học 2023-2024 ngày 15 tháng 10 năm 2023 tại Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ;

Căn cứ Biên bản họp Cha mẹ học sinh các lớp năm học 2023-2024 ngày 15 tháng 10 năm 2023 tại Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ;

Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ thông báo các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 9/2023 như sau:

HÌNH THỨC THANH TOÁN VÀ THỜI GIAN THANH TOÁN:

1/ TRƯỜNG TIỂU HỌC KHÔNG THU HỌC PHÍ.

2/ Nhằm thuận tiện cho việc đóng tiền nhà trường tiến hành thu như sau:

Thời gian thu Tháng 9 từ ngày 19/10/2023 đến ngày 27/10/2023.

3/ Phụ huynh vui lòng chuyển khoản như sau:

Số tài khoản: 127000081451

Tại Ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh 8, TP.HCM

Tên tài khoản: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN CÔNG TRỨ

Nội dung chuyển khoản: Tên học sinh - Lớp - Tháng đóng

Ví dụ: Tran Van A - lop 4/1 - T9/2023

ĐỐI VỚI HỌC SINH 2 BUỔI/NGÀY

❖ Học sinh lớp 1:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		640.000
1. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	đồng/tháng	50.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	50.000
3. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	đồng/tháng	56.000
4. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
5. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000

6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/tháng	250.000
7. Học phẩm - Học bạ lớp 1: 15.000 đồng/năm học - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học	đồng/năm học	30.000
8. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000
- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000

❖ Học sinh Lớp 2:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		675.000
1. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	đồng/tháng	50.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	50.000
3. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	đồng/tháng	56.000
4. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
5. Tiền tổ chức học bơi	đồng/tháng	50.000
6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000
7. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/tháng	250.000
8. Học phẩm: - Phù hiệu học sinh	đồng/năm học	15.000
9. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000
- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000

❖ Học sinh Lớp 3:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		600.000
1. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	25.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	đồng/tháng	56.000
3. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000

4. Tiền tổ chức học bơi	đồng/tháng	50.000
5. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000
6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/tháng	250.000
7. Học phẩm: - Phù hiệu học sinh	đồng/năm học	15.000
8. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000
- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000

❖ Học sinh Lớp 4:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		600.000
1. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	25.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	đồng/tháng	56.000
3. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
4. Tiền tổ chức học bơi	đồng/tháng	50.000
5. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000
6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/tháng	250.000
7. Học phẩm: - Phù hiệu học sinh	đồng/năm học	15.000
8. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000
- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000

❖ Học sinh Lớp 5:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		519.000
1. Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	đồng/tháng	100.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	50.000

3. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	đồng/tháng	100.000
4. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
5. Tiền tổ chức học bơi	đồng/tháng	50.000
6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000
7. Học phẩm: - Phù hiệu học sinh	đồng/năm học	15.000
8. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000
- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000

ĐỐI VỚI HỌC SINH HỌC BÁN TRÚ:

❖ Học sinh Lớp 1 bán trú:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		1.634.000
1. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	đồng/tháng	50.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	50.000
3. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	đồng/tháng	56.000
4. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
5. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000
6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/tháng	250.000
7. Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/tháng	200.000
8. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/năm học	220.000
9. Tiền suất ăn bán trú: (19 ngày x 30.000 đồng/ngày)	đồng/ngày	570.000
10. Học phẩm - Học bạ lớp 1: 15.000 đồng/năm học - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Sổ thanh toán bán trú: 4.000 đồng/năm học	đồng/năm học	34.000
11. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000



- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000
----------------	--------------	--------

❖ Học sinh Lớp 2 bán trú:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		1.669.000
1. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	đồng/tháng	50.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	50.000
3. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	đồng/tháng	56.000
4. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
5. Tiền tổ chức học bơi	đồng/tháng	50.000
6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000
7. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/tháng	250.000
8. Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/tháng	200.000
9. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/năm học	220.000
10. Tiền suất ăn bán trú: (19 ngày x 30.000 đồng/ngày)	đồng/ngày	570.000
11. Học phẩm: - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Sổ thanh toán bán trú: 4.000 đồng/năm học	đồng/năm học	19.000
12. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000
- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000

❖ Học sinh Lớp 3 bán trú:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		1.594.000
1. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	25.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	đồng/tháng	56.000
3. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
4. Tiền tổ chức học bơi	đồng/tháng	50.000
5. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000

6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/tháng	250.000
7. Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/tháng	200.000
8. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/năm học	220.000
9. Tiền suất ăn bán trú: (19 ngày x 30.000 đồng/ngày)	đồng/ngày	570.000
10. Học phẩm: - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Sổ thanh toán bán trú: 4.000 đồng/ năm học	đồng/năm học	19.000
11. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000
- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000

❖ Học sinh Lớp 4 bán trú:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		1.594.000
1. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	25.000
2. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	đồng/tháng	56.000
3. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
4. Tiền tổ chức học bơi	đồng/tháng	50.000
5. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000
6. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/tháng	250.000
7. Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/tháng	200.000
8. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/năm học	220.000
9. Tiền suất ăn bán trú: (19 ngày x 30.000 đồng/ngày)	đồng/ngày	570.000
10. Học phẩm: - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Sổ thu tiền bán trú: 4.000 đồng/năm học	đồng/năm học	19.000
11. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000

- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000
----------------	--------------	--------

❖ Học sinh Lớp 5 bán trú:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Tháng 9
Tổng cộng:		1.513.000
1. Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	đồng/tháng	100.000
1. Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/tháng	50.000
2. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	đồng/tháng	100.000
3. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/tháng	69.000
4. Tiền tổ chức học bơi	đồng/tháng	50.000
5. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/tháng	100.000
6. Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/tháng	200.000
7. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/năm học	220.000
8. Tiền suất ăn bán trú: (19 ngày x 30.000 đồng/ngày)	đồng/ngày	570.000
9. Học phẩm: - Phù hiệu học sinh: 15.000 đồng/năm học - Số thu tiền bán trú: 4.000 đồng/năm học	đồng/năm học	19.000
10. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: - Enetviet	đồng/tháng	15.000
- Thẻ học sinh	đồng/năm học	20.000

CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM

- Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn:

+ Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo quy định tại Công văn số 794/SGDDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022.

+ Hỗ trợ chi phí cho học sinh theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố. Tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn số 25942/HD-SLĐTBXH ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù

chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố.

+ Hỗ trợ chi phí cho học sinh theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023; Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2842/SGDDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 6 năm 2023 về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND theo Nghị quyết số 1962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND./.

Nơi nhận:

- Niên yết tại đơn vị;
- Web trường;
- PHHS;
- GV các lớp;
- Lưu: VT, KT.

